

My name is: \_\_\_\_\_

## WORKSHEET (THEY'RE HAPPY NOW!)

Date:

Topic: Unit 2 – They're happy now!

Vocabulary: happy/sad; bad/good; well/sick;  
love/hate; brave/scared; tired/fresh

Teacher's feedbacks

**Task 1: Unscramble the words. ( Sắp xếp thành từ đúng)**

a. aphpy → <b>happy</b>	b. dsa → <b>sad</b>
c. oth →	d. godo →
e. codl →	f. scerad →
g. etird →	h. raveb →
i. ciks →	j. heta →
k. levo →	l. fesrh →

**Task 2: Put the words in the correct order ( Sắp xếp các từ thành câu hoàn chỉnh).**

a. I - happy - am	I am happy.
b. are - cold - We	We are cold.
c. My sister - thirsty - is	
d. She - sad - is	
e. you - Are - hungry ?	
f. They - sad - are	
g. Is - happy - he ?	
h. My - tired - dad - is	
i. he - Is - cold ?	
j. Kate and Ben - happy - are	
k. I - tired - am	
l. brave - My - brother - is	
m. teacher - scared - My - is	

**Task 3: Write down the antonym. ( Viết ra các cặp từ trái nghĩa)**

<b>hot</b>	<b>cold</b>
well	
bad	
happy	
love	
brave	
tired	